



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG CẢNG VŨNG TÀU**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG CẢNG VĨNG TÀU

## MỤC LỤC

Trang

1. Báo cáo của Ban Giám đốc	01 - 03
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán niên độ 2025	
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 26

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG CẢNG VŨNG TÀU

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương Cảng Vũng Tàu ("Công ty") trình bày bản Báo cáo này và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán.

### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Thương Cảng Vũng Tàu được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 23 tháng 01 năm 2003; và Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 3500561432 đăng ký thay đổi lần 10 ngày 14 tháng 10 năm 2025.

Một số nội dung chính của Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh như sau:

- Tên doanh nghiệp : Công ty Cổ phần Thương Cảng Vũng Tàu.
- Tên bằng tiếng nước ngoài : Vung Tau Commercial Port Joint-Stock Company.
- Tên viết tắt : VCP.
- Trụ sở chính đặt tại : Số 973 đường 30/4, phường Phước Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh
- Người đại diện theo pháp luật : Ông Phạm Quốc Long; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Quốc tịch: Việt Nam.
- Vốn điều lệ : 36.000.000.000 VND.
- Các loại thuế khác : Theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

### 2. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính trong năm 2025 bao gồm:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Dịch vụ kho vận, kho ngoại quan, kho chứa hóa chất công nghiệp (trừ các loại hóa chất cấm kinh doanh), xăng dầu và các sản phẩm từ xăng dầu;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Dịch vụ cảng, bến cảng;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Cung ứng tàu biển, đại lý tàu biển, dịch vụ khai thuê hải quan, môi giới và đại lý hàng hải, đại lý vận tải, cung cấp nước ngọt, xăng dầu cho tàu thủy;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê nhà ở, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê kho, bãi đỗ xe, bãi để hàng hoá, đầu tư tạo lập nhà công trình xây dựng để cho thuê hoặc bán.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG CẢNG VŨNG TÀU

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### 3. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

#### Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Quốc Long	Chủ tịch
Ông Trương Bách Thế	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên
Ông Dương Quang Hòa	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Thái	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Ngọc Quân	Thành viên

#### Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Quốc Thái	Tổng Giám đốc
Ông Dương Quang Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Bạch Ngọc	Phó Tổng Giám đốc

#### Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Khoa Năng Lưu	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hồng Châm	Thành viên
Ông Sử Văn Minh	Thành viên

### 4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng thu nhập	43.731.586.450	40.596.210.093
Tổng chi phí	34.191.314.177	31.117.901.482
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế</b>	<b><u>9.540.272.273</u></b>	<b><u>9.478.308.611</u></b>

### 5. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2025 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải được điều chỉnh số liệu hay công bố trong Báo cáo tài chính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG CẢNG VŨNG TÀU

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### 6. Kiểm toán viên độc lập

Công ty TNHH Kiểm Toán AS là kiểm toán độc lập cho Báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty Cổ phần Thương Cảng Vũng Tàu.

### 7. Trách nhiệm của Ban Giám đốc với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót;

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc đã cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các Báo cáo tài chính.

### 8. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt các Báo cáo tài chính kèm theo. Các Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2026

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Tổng Giám đốc

NGUYỄN QUỐC THÁI

Số: 011.01.26/AS

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG CẢNG VŨNG TÀU**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương Cảng Vũng Tàu, được lập ngày 15 tháng 01 năm 2026 từ trang 06 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương Cảng Vũng Tàu tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2026

**Công ty TNHH Kiểm Toán AS**



**Nguyễn Thị Hương Giang**

**Phó Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

3120-2025-018-1



**Nguyễn Thị Hà**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

6295-2023-018-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG CẢNG VŨNG TÀU**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>MÃ SỐ</b>	<b>THUYẾT MINH</b>	<b>SỐ CUỐI NĂM</b>	<b>SỐ ĐẦU NĂM</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>30.731.507.455</b>	<b>31.938.075.597</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>7.781.289.618</b>	<b>17.509.442.756</b>
Tiền	111		2.281.289.618	9.909.442.756
Các khoản tương đương tiền	112		5.500.000.000	7.600.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>9.100.000.000</b>	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	9.100.000.000	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>13.850.217.837</b>	<b>14.380.551.841</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	13.155.083.977	12.162.217.981
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	1.105.520.000	1.447.500.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	212.130.000	1.207.350.000
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.06	(622.516.140)	(436.516.140)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		-	<b>48.081.000</b>
Hàng tồn kho	141		-	48.081.000
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		-	-
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>26.457.359.025</b>	<b>24.835.369.601</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>26.100.741.140</b>	<b>24.334.500.949</b>
TSCĐ hữu hình	221	V.08	26.100.741.140	24.334.500.949
+ Nguyên giá	222		100.644.047.444	95.529.450.343
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(74.543.306.304)	(71.194.949.394)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>215.413.392</b>	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.09	215.413.392	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>141.204.493</b>	<b>500.868.652</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	141.204.493	500.868.652
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>57.188.866.480</b>	<b>56.773.445.198</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG CẢNG VŨNG TÀU

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>10.339.549.645</b>	<b>6.386.092.025</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.670.793.716</b>	<b>1.505.236.096</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	395.924.850	287.383.600
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	2.020.841.846	952.936.835
Phải trả người lao động	314		1.725.430.000	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		173.507.326	200.241.200
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		244.242.422	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	44.840.900	43.436.700
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		66.006.372	21.237.761
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.668.755.929</b>	<b>4.880.855.929</b>
Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.13	5.668.755.929	4.880.855.929
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>46.849.316.835</b>	<b>50.387.353.173</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.14</b>	<b>46.849.316.835</b>	<b>50.387.353.173</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		36.000.000.000	36.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		4.909.044.562	4.909.044.562
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.940.272.273	9.478.308.611
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		-	-
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		5.940.272.273	9.478.308.611
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>57.188.866.480</b>	<b>56.773.445.198</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu

VÕ THỊ BÍCH LÂM

Kế toán trưởng

HUỲNH BẠCH NGỌC

Tổng Giám đốc



NGUYỄN QUỐC THÁI

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG CẢNG VŨNG TÀU**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025*

*Đơn vị tính: VND*

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.01</b>	<b>43.168.103.939</b>	<b>39.814.126.484</b>
Các khoản giảm trừ	02		-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>43.168.103.939</b>	<b>39.814.126.484</b>
Giá vốn hàng bán	11	VI.02	18.541.248.334	17.934.116.937
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>24.626.855.605</b>	<b>21.880.009.547</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	563.482.511	768.442.345
Chi phí tài chính	22	VI.04	516.519	14.050.536
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	12.181.407.437	10.341.635.158
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>13.008.414.160</b>	<b>12.292.766.198</b>
Thu nhập khác	31	VI.06	-	13.641.264
Chi phí khác	32	VI.07	183.261.216	852.913.690
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(183.261.216)</b>	<b>(839.272.426)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>12.825.152.944</b>	<b>11.453.493.772</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	3.284.880.671	1.975.185.161
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>9.540.272.273</b>	<b>9.478.308.611</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.09</b>	<b>2.117</b>	<b>2.517</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu



**VÕ THỊ BÍCH LÂM**

Kế toán trưởng



**HUỲNH BẠCH NGỌC**

Tổng Giám đốc




**NGUYỄN QUỐC THÁI**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG CẢNG VŨNG TÀU****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp trực tiếp)**Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**Đơn vị tính: VND*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>MÃ SỐ THUYẾT MINH</b>	<b>NĂM NAY</b>	<b>NĂM TRƯỚC</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	45.864.403.616	40.442.820.545
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(10.477.666.714)	(14.367.875.638)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(9.507.953.500)	(8.946.825.310)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(2.513.506.041)	(1.950.990.265)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	261.000.044	251.897.998
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(8.325.219.671)	(8.425.291.544)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>15.301.057.734</b>	<b>7.003.735.786</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(5.330.010.493)	(6.693.656.939)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	13.636.364
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(21.100.000.000)	(12.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	12.000.000.000	21.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	557.414.551	737.863.208
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(13.872.595.942)</b>	<b>2.557.842.633</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.160.000.000)	(5.760.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(11.160.000.000)</b>	<b>(5.760.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(9.731.538.208)</b>	<b>3.801.578.419</b>

*Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.*

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG CẢNG VŨNG TÀU**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		17.509.442.756	13.690.264.571
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3.385.070	17.599.766
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.01</b>	<b>7.781.289.618</b>	<b>17.509.442.756</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu

**VÕ THỊ BÍCH LÂM**

Kế toán trưởng

**HUỲNH BẠCH NGỌC**



Tổng Giám đốc

**NGUYỄN QUỐC THÁI**

Bản thuyết minh này nhằm chú giải một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu được thể hiện trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty Cổ phần Thương Cảng Vũng Tàu được nêu từ trang 06 đến trang 10. Bản thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời của các Báo cáo tài chính.

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**01 . Hình thức sở hữu vốn:** Công ty cổ phần.

**02 . Lĩnh vực kinh doanh:** Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

**03 . Ngành nghề kinh doanh:**

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính trong năm 2025 bao gồm:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Dịch vụ kho vận, kho ngoại quan, kho chứa hóa chất công nghiệp (trừ các loại hóa chất cấm kinh doanh), xăng dầu và các sản phẩm từ xăng dầu;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Dịch vụ cảng, bến cảng;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Cung ứng tàu biển, đại lý tàu biển, dịch vụ khai thuê hải quan, môi giới và đại lý hàng hải, đại lý vận tải, cung cấp nước ngọt, xăng dầu cho tàu thủy;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê nhà ở, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê kho, bãi đỗ xe, bãi để hàng hoá, đầu tư tạo lập nhà công trình xây dựng để cho thuê hoặc bán.

**04 . Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Doanh nghiệp không quá 12 tháng.

**05 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:**

Không có.

**06 . Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các thông tin và số liệu kế toán được trình bày có thể so sánh giữa các kỳ và phù hợp với hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

**07 . Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 62 nhân viên (số lượng nhân viên cuối năm trước: 63 nhân viên).

### **II . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**01 . Kỳ kế toán năm:** Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**02 . Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 01 . Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp; các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung của Bộ Tài chính.

#### 02 . Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 01 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 02 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thời gian đáo hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### 03 . Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

#### 04 . Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Căn cứ vào quyết định của Công ty, các khoản trả trước cho người bán phát sinh từ nhiều năm trước và không có khả năng thu hồi sẽ được lập dự phòng phải thu khó đòi với mức trích lập dự phòng là 15.500.000 VND/tháng.

**05 . Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc thiết bị	05 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 13 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	08 - 10 năm

**06 . Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

***Chi phí trả trước dài hạn khác***

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí nêu trên được phân bổ dần vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng nhưng tối đa không quá 3 năm.

**07 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 08 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

##### *Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định*

Việc trích trước chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định theo định kỳ được căn cứ vào kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí.

#### 09 . Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### 10 . Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 11 . Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

## 11 . Ghi nhận doanh thu và thu nhập (tiếp theo)

### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

## 12 . Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Vietcombank.

## 13 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

## 14 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất phổ thông theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG CẢNG VŨNG TÀU****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****01 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tiền mặt tại quỹ</b>	<b>339.090.974</b>	<b>309.371.290</b>
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>1.942.198.644</b>	<b>9.600.071.466</b>
<i>Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Vũng Tàu</i>	<i>30.335.539</i>	<i>3.497.505.671</i>
Tiền VND	30.335.539	3.497.505.671
<i>Ngân hàng Công Thương - Chi nhánh Vũng Tàu</i>	<i>905.230.466</i>	<i>1.392.932.209</i>
Tiền VND	905.230.466	1.392.932.209
<i>Ngân hàng Ngoại Thương - Chi nhánh Vũng Tàu</i>	<i>967.341.852</i>	<i>1.617.917.625</i>
Tiền VND	948.706.706	1.054.657.456
Tiền USD quy đổi	18.635.146	563.260.169
<i>Nguyên tệ USD</i>	<i>714,62</i>	<i>22.306,45</i>
<i>Ngân hàng Nam Á - Chi nhánh Tân Định</i>	<i>39.290.787</i>	<i>3.091.715.961</i>
Tiền VND	39.290.787	3.091.715.961
<b>Các khoản tương đương tiền (*)</b>	<b>5.500.000.000</b>	<b>7.600.000.000</b>
Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Vũng Tàu	4.500.000.000	4.000.000.000
Ngân hàng Nam Á - Chi nhánh Tân Định	1.000.000.000	3.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>7.781.289.618</b>	<b>17.509.442.756</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 4,75%/năm. (Năm 2024: lãi suất 3,60%/năm - 3,80%/năm).

**02 . Các khoản đầu tư tài chính****Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	9.100.000.000	9.100.000.000	-	-
<i>Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Vũng Tàu</i>	<i>5.500.000.000</i>	<i>5.500.000.000</i>	-	-
<i>Ngân hàng Nam Á - Chi nhánh Tân Định</i>	<i>3.600.000.000</i>	<i>3.600.000.000</i>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>9.100.000.000</b>	<b>9.100.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng tại các ngân hàng thương mại lãi suất từ 5,45%/năm - 7,00%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG CẢNG VŨNG TÀU****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

**03 . Phải thu của khách hàng****Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng bộ phận Dịch vụ	4.348.497.264	5.650.820.548
Khách hàng bộ phận Thương cảng	8.370.070.573	6.074.881.293
Khách hàng bộ phận Văn phòng	436.516.140	436.516.140
<b>Cộng</b>	<b><u>13.155.083.977</u></b>	<b><u>12.162.217.981</u></b>

**04 . Trả trước cho người bán****Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh nghiệp tư nhân Biên Hòa Auto	480.000.000	880.000.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng công trình Hàng Hải	500.000.000	500.000.000
Công ty Luật TNHH Trần Quang Minh & Cộng sự	50.000.000	-
Công ty Khảo sát thiết kế 12/7	50.000.000	50.000.000
Nhà cung cấp khác	25.520.000	17.500.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.105.520.000</u></b>	<b><u>1.447.500.000</u></b>

**05 . Phải thu khác****Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	212.130.000	1.207.350.000
<i>Phạm Hữu Chi</i>	<i>51.600.000</i>	<i>8.000.000</i>
<i>Nguyễn Hữu Trí</i>	<i>74.480.000</i>	<i>64.500.000</i>
<i>Nguyễn Ngọc Tuấn</i>	<i>60.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Trần Thị Nhân</i>	<i>24.050.000</i>	<i>14.950.000</i>
<i>Tăng Thanh Cần</i>	<i>-</i>	<i>1.115.000.000</i>
<i>Các cá nhân khác</i>	<i>2.000.000</i>	<i>4.900.000</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>212.130.000</u></b>	<b><u>1.207.350.000</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG CẢNG VŨNG TÀU**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025*

*Đơn vị tính: VND*

**06 . Nợ xấu và nợ khó đòi**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Khách hàng bộ phận Văn phòng	436.516.140	(436.516.140)	436.516.140	(436.516.140)
Trả trước cho người bán	530.000.000	(186.000.000)	930.000.000	-
<i>Doanh nghiệp tư nhân Biên Hòa Auto</i>	480.000.000	(176.000.000)	880.000.000	-
<i>Công ty Khảo sát thiết kế 12/7</i>	50.000.000	(10.000.000)	50.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>966.516.140</b>	<b>(622.516.140)</b>	<b>1.366.516.140</b>	<b>(436.516.140)</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	436.516.140	-	436.516.140
Trích lập dự phòng bổ sung	186.000.000	-	186.000.000
Hoàn nhập dự phòng	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>622.516.140</b>	<b>-</b>	<b>622.516.140</b>

**07 . Chi phí trả trước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ	19.941.332	76.332.057
Chi phí khác	121.263.161	424.536.595
<b>Cộng</b>	<b>141.204.493</b>	<b>500.868.652</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG CẢNG VŨNG TÀU****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

**08 . Tài sản cố định hữu hình**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Nguyên giá</b>	<b>95.529.450.343</b>	<b>5.114.597.101</b>	-	<b>100.644.047.444</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	60.144.989.746	3.677.471.639	-	63.822.461.385
Máy móc thiết bị	13.772.231.875	306.566.063	-	14.078.797.938
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	21.155.827.466	1.130.559.399	-	22.286.386.865
Thiết bị, dụng cụ quản lý	456.401.256	-	-	456.401.256
<b>Giá trị hao mòn</b>	<b>71.194.949.394</b>	<b>3.348.356.910</b>	-	<b>74.543.306.304</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	48.999.936.825	1.612.980.427	-	50.612.917.252
Máy móc thiết bị	7.952.193.328	691.896.373	-	8.644.089.701
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	13.966.896.898	1.016.590.714	-	14.983.487.612
Thiết bị, dụng cụ quản lý	275.922.343	26.889.396	-	302.811.739
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>24.334.500.949</b>			<b>26.100.741.140</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	11.145.052.921			13.209.544.133
Máy móc thiết bị	5.820.038.547			5.434.708.237
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7.188.930.568			7.302.899.253
Thiết bị, dụng cụ quản lý	180.478.913			153.589.517

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	22.626.228.345	28.786.682.611
Máy móc thiết bị	1.609.528.681	3.354.192.571
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	11.296.453.865	8.476.581.137
Thiết bị, dụng cụ quản lý	182.668.556	182.668.556
<b>Cộng</b>	<b>35.714.879.447</b>	<b>40.800.124.875</b>

**09 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Năm nay	Năm trước
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>		
Số đầu năm	-	-
Chi phí phát sinh trong năm	-	725.000.000
Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	-	725.000.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG CẢNG VŨNG TÀU****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

**09 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (tiếp theo)****Xây dựng cơ bản dở dang**

Số đầu năm	-	-
Chi phí phát sinh trong năm	1.754.993.472	178.050.000
Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	1.754.993.472	178.050.000

**Số cuối năm**

-	-
---	---

**Sửa chữa lớn tài sản cố định**

Số đầu năm	-	-
Chi phí phát sinh trong năm	2.470.551.028	2.902.288.535
Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	2.255.137.636	2.902.288.535

**Số cuối năm**

215.413.392	-
-------------	---

**Cộng số cuối năm**

215.413.392	-
-------------	---

**10 . Phải trả người bán****Ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Chi nhánh Petrolimex Vũng Tàu - Công ty TNHH MTV Petrolimex Sài Gòn	83.781.300	83.781.300	-	-
Công ty Cổ phần DV-VT biển Hải Vân	60.000.000	60.000.000	30.000.000	30.000.000
Công ty TNHH Ngọc Phương Linh	169.900.894	169.900.894	133.464.000	133.464.000
Công ty TNHH Trung Hiếu	69.700.176	69.700.176	-	-
Công ty TNHH Đại Tuấn	-	-	100.008.000	100.008.000
Các nhà cung cấp khác	12.542.480	12.542.480	23.911.600	23.911.600
<b>Cộng</b>	<b>395.924.850</b>	<b>395.924.850</b>	<b>287.383.600</b>	<b>287.383.600</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG CẢNG VĨNG TÀU

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

### 11 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT đầu ra	238.479.247	2.149.111.354	1.875.768.647	511.821.954
Thuế thu nhập cá nhân	51.080.500	498.626.974	475.439.300	74.268.174
Thuế thu nhập doanh nghiệp	663.377.088	3.284.880.671	2.513.506.041	1.434.751.718
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	620.952.058	620.952.058	-
Lệ phí môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>952.936.835</b>	<b>6.558.571.057</b>	<b>5.490.666.046</b>	<b>2.020.841.846</b>

#### Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng

Xuất khẩu	0%.
Trong nước	5%, 8%, 10%.

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.14.

#### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp thuế môn bài hàng năm theo qui định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan Thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về Thuế đối với nhiều loại chi phí khác nhau có thể được giải trình theo nhiều cách khác nhau, số Thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan Thuế.

### 12 . Phải trả khác

#### Ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ, ký cược		
Atlas Copco (South-East Asisa) Pte. Ltd.	44.840.900	43.436.700
Nguyên tệ USD	1.700,00	1.700,00
<b>Cộng</b>	<b>44.840.900</b>	<b>43.436.700</b>

### 13 . Dự phòng phải trả

#### Dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phí sơn xà gỗ	202.077.413	214.177.413
Chi phí nạo vét	5.466.678.516	4.666.678.516
<b>Cộng</b>	<b>5.668.755.929</b>	<b>4.880.855.929</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG CẢNG VŨNG TÀU****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

**14 .Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số đầu năm trước</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>4.909.044.562</b>	<b>7.507.979.568</b>	<b>48.417.024.130</b>
Lãi trong năm trước	-	-	9.478.308.611	9.478.308.611
Chi trả cổ tức	-	-	(5.760.000.000)	(5.760.000.000)
Thù lao hội đồng quản trị	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.247.979.568)	(1.247.979.568)
<b>Số cuối năm trước/ Số đầu năm nay</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>4.909.044.562</b>	<b>9.478.308.611</b>	<b>50.387.353.173</b>
Lãi trong năm nay	-	-	9.540.272.273	9.540.272.273
Chi trả cổ tức	-	-	(11.160.000.000)	(11.160.000.000)
Thù lao hội đồng quản trị	-	-	(800.000.000)	(800.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.118.308.611)	(1.118.308.611)
<b>Số cuối năm nay</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>4.909.044.562</b>	<b>5.940.272.273</b>	<b>46.849.316.835</b>

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, tiền vốn thực góp của Công ty Cổ Phần Thương Cảng Vũng Tàu là 36.000.000.000 VND, như vậy, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 3500561432.

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cổ phần	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Thủy Sản và Xuất Nhập Khẩu Côn Đảo	2.005.800	20.058.000.000	55,72%
Công ty Cổ phần Đại Lý Liên Hiệp Vận Chuyên (Gemadept)	964.200	9.642.000.000	26,78%
Ông Nguyễn Quốc Thái	192.370	1.923.700.000	5,34%
Các cổ đông khác	437.630	4.376.300.000	12,16%
<b>Cộng</b>	<b>3.600.000</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG CẢNG VŨNG TÀU****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

**14 . Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)****c) Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.600.000	3.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.600.000	3.600.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.600.000	3.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.600.000	3.600.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.600.000	3.600.000

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 VND.

**15 . Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại		
USD	714,62	22.306,45

**VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****01 . Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	43.168.103.939	39.814.126.484
<b>Cộng</b>	<b>43.168.103.939</b>	<b>39.814.126.484</b>

**02 . Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	18.541.248.334	17.934.116.937
<b>Cộng</b>	<b>18.541.248.334</b>	<b>17.934.116.937</b>

**03 . Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	557.414.551	737.863.208
Lãi chênh lệch tỷ giá	6.067.960	30.579.137
<b>Cộng</b>	<b>563.482.511</b>	<b>768.442.345</b>

**04 . Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ chênh lệch tỷ giá	516.519	14.050.536
<b>Cộng</b>	<b>516.519</b>	<b>14.050.536</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG CẢNG VŨNG TÀU****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

**05 . Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	9.049.311.000	7.265.679.000
Chi phí khấu hao	688.916.685	698.035.991
Thuế, phí và lệ phí	18.618.959	178.295.326
Chi phí dự phòng	186.000.000	76.516.140
Chi phí dịch vụ mua ngoài	149.484.751	161.844.998
Chi phí bằng tiền khác	2.089.076.042	1.961.263.703
<b>Cộng</b>	<b>12.181.407.437</b>	<b>10.341.635.158</b>

**06 . Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định	-	13.636.364
<i>Tiền thu thanh lý tài sản cố định</i>	-	13.636.364
<i>Giá trị còn lại của tài sản cố định</i>	-	-
Các khoản khác	-	4.900
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>13.641.264</b>

**07 . Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Thù lao và thưởng Hội đồng quản trị	75.000.000	369.500.000
Các khoản truy thu tiền cho thuê đất	-	343.413.690
Các khoản truy thu thuế, phạt hành chính	86.261.216	140.000.000
Các khoản khác	22.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>183.261.216</b>	<b>852.913.690</b>

**08 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.186.272.109	1.975.185.161
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	98.608.562	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.284.880.671</b>	<b>1.975.185.161</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG CẢNG VŨNG TÀU****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

**09 . Lãi trên cổ phiếu****a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.540.272.273	9.061.133.036
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	1.918.308.611	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.118.308.611	-
- Các khoản trích khác giảm lợi nhuận	800.000.000	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.621.963.662	9.061.133.036
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	3.600.000	3.600.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.117</b>	<b>2.517</b>

**b) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:**

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	3.600.000	3.600.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>3.600.000</b>	<b>3.600.000</b>

**10 . Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	13.770.031.700	11.394.477.410
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.348.356.910	2.930.722.768
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.964.342.211	6.405.601.167
Chi phí khác bằng tiền	7.639.924.950	7.544.950.750
<b>Cộng</b>	<b>30.722.655.771</b>	<b>28.275.752.095</b>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01 . Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu



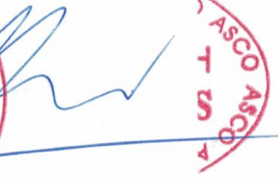
VÕ THỊ BÍCH LÂM

Kế toán trưởng



HUỲNH BẠCH NGỌC

Tổng Giám đốc



NGUYỄN QUỐC THÁI